

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **62/2021/HS-ST**

Ngày: 26-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Châu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Hùng Dương;

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1995 tại tỉnh Bình Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu X, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Ngọc A; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/10/2020 cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: khu X, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1955; địa chỉ: Khu Y, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu Y, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 29/10/2020, Nguyễn Thanh P đang ở nhà tại địa chỉ khu X, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì Nguyễn Thanh H khu Z, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương là bạn của P gọi điện thoại tới rủ P đi trộm cắp tài sản thì P đồng ý. Đến khoảng 01 giờ 45 phút, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu L, màu xanh, biển số 61F5-98XY đến đón P, sau đó đưa xe cho P điều khiển chở H đi lòng vòng trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi ngang qua tiệm hớt tóc của bà Trần Thị Đ thì H kêu P dừng xe lại và đứng chờ ở ngoài còn H vào trong tìm tài sản trộm cắp. Một lúc sau, H đi ra và đưa cho P 01 con cóc bằng gỗ và 01 điện thoại di động hiệu I6 rồi H tiếp tục quay vào phía trong tiệm dắt xe mô tô nhãn hiệu HL màu xanh nâu biển số 76G1-313.XY của bà Đ ra ngoài thì bị bà Đ phát hiện truy hô nên H đã bỏ lại xe mô tô trên rồi chạy ra xe mô tô cùng P tẩu thoát. Khi cả hai đi đến đường NVT đoạn thuộc khu X, phường Đ, thành phố T thì bị lực lượng tuần tra Công an phường Đ đang trên đường tuần tra phát hiện thấy H và P có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu P dừng xe để kiểm tra. Thấy vậy H đã nhảy xuống xe và chạy thoát, còn P bị lực lượng tuần tra giữ lại đưa về trụ sở Công an phường Đ để làm việc. Tại đây, P đã thừa nhận hành vi cùng với H trộm cắp tài sản. Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu L, màu xanh, biển số 61F5-98XY; 01 xe mô tô nhãn hiệu HL, màu xanh nâu, biển số 76G1-313XY; 01 con cóc bằng gỗ và 01 điện thoại di động hiệu I6. Công an phường Đ đã chuyển hồ sơ vụ việc, đối tượng P cùng vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 249/KLTS-TTHS ngày 30/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu I6 màu trắng trị giá 3.000.000 (ba triệu) đồng.
- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HL màu xanh nâu biển số 76G1-313.XY trị giá 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu) đồng.
- 01 (một) tượng gỗ hình dạng con cóc trị giá 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng.

Đối với số vật chứng trên, ngày 07/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả lại cho bà Trần Thị Đ theo Quyết định xử lý vật chứng số 16/QĐ-CSĐT-ĐTTH ngày 06/11/2020. Hiện bà Đ không có yêu cầu gì đối với Nguyễn Thanh P nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu L, màu xanh, biển số 61F5-98XY, quá trình điều tra xác định: Xe trên do bà Nguyễn Thị Thanh T đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe, bà T đã cho cháu là anh Nguyễn Trung T1 làm phương tiện đi lại. Ngày 28/10/2020, anh T1 đã cho Nguyễn Thanh H mượn xe mô tô trên để đi công việc. Ngày 10/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả xe mô tô trên cho anh Nguyễn Trung T1 theo Quyết định xử lý vật chứng số 17 ngày 06/11/2020. Hiện anh T1 không có yêu cầu gì đối với Nguyễn Thanh P nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với Nguyễn Thanh H quá trình điều tra xác định: Nguyễn Thanh P khai nhận H là người cùng thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản với P. Tuy nhiên quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một không làm việc được với H do H đã bỏ đi khỏi địa P. Người bị hại là chị Trần Thị Đ xác định do trời tối nên không thể nhận dạng ra người đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Đ. Do vậy chưa đủ căn cứ để khởi tố đối với H về tội Trộm cắp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã ra Thông báo truy tìm đối với H, khi nào làm việc được sẽ tiến hành xử lý sau.

Cáo trạng số 49/CT-VKS-HS ngày 02/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Nguyễn Thanh P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị xem xét, giải quyết.

Về biện pháp tư pháp: Không có.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với Viện Kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ 45 phút, tại tiệm hớt tóc không tên có địa chỉ khu X, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Thanh P đã lén lút lấy trộm 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu I6 màu trắng trị giá là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HL màu xanh nâu biển số 76G1-313.XY trị giá 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng); 01

(một) tượng gỗ hình dạng con cóc trị giá 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) của chị Trần Thị Đ. Tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 31.700.000 đồng (Ba mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng). Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản đã được thu hồi giao trả cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về biện pháp tư pháp: Không có.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/10/2020.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về biện pháp tư pháp: Không có.

5/ Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THA thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Châu Giang